

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	9 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần mía đường Sơn La trình bày Báo cáo cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La (gọi tắt “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là SON LA SUGAR JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là SLS, tiền thân là Nhà máy Đường Sơn La trực thuộc Nông trường quốc doanh Tô Hiệu Sơn La. Công ty được thành lập theo Quyết định số 2761/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500155321 ngày 20/02/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, thay đổi lần thứ 06 ngày 02/11/2015.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: SLS

Trụ sở chính của Công ty tại Km 34, Quốc lộ 6, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 31/10/2015)
	Ông Phạm Ngọc Thao	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 31/10/2015)
	Ông Đặng Việt Anh	Phó Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 31/10/2015)
	Ông Trần Ngọc Hiếu	Phó Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 31/10/2015)
	Ông Bùi Hưng Thịnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31/10/2015)
	Ông Phạm Như Hóa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31/10/2015)
	Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31/10/2015)
	Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31/10/2015)
	Ông Đặng Xuân Phúc	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc	Ông Trần Ngọc Hiếu	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/06/2015)
	Ông Nguyễn Xuân Minh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/06/2015)
	Ông Bùi Hưng Thịnh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 24/09/2015)
	Ông Phạm Như Hóa	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/11/2015)
	Ông Đặng Xuân Phúc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Sở	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/12/2015)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VIETNAM)- Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Trần Ngọc Hiếu
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Số: 138/2016/BCKT-BCTCTH/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015 của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La, được lập ngày 15 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 15/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Bùi Thị Thúy**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2015-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		162.644.396.060	158.951.198.143
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.859.638.449	10.695.294.846
1. Tiền	111		2.859.638.449	10.695.294.846
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		112.844.583.566	83.845.271.781
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	3.119.549.871	2.331.707.944
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	52.885.835.065	14.872.493.497
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		9.400.000.000	9.400.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	56.190.098.865	62.710.054.941
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(8.750.900.235)	(5.648.627.922)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	179.643.321
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	37.253.146.075	62.822.585.950
1. Hàng tồn kho	141		37.253.146.075	66.914.185.950
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(4.091.600.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.687.027.970	1.588.045.566
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	546.110.829	70.553.111
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.263.575.733	1.517.492.455
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		877.341.408	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		100.075.501.014	84.223.960.621
II. Tài sản cố định	220		87.968.439.447	78.405.287.024
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	86.996.167.652	77.364.063.160
- Nguyên giá	222		220.486.150.162	190.828.418.894
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(133.489.982.510)	(113.464.355.734)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	972.271.795	1.041.223.864
- Nguyên giá	228		1.429.666.774	1.339.666.774
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(457.394.979)	(298.442.910)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	8.994.587.213	1.910.758.798
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.994.587.213	1.910.758.798
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.000.000.000	3.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	3.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		112.474.354	907.914.799
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	112.474.354	907.914.799
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		262.719.897.074	243.175.158.764

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Bảo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300	64.587.104.951	77.352.677.179
I. Nợ ngắn hạn	310	60.166.355.301	77.352.677.179
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 5.11	36.308.879.413	30.934.389.399
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11.514.642.501	8.769.979.702
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 5.12	1.461.980.578	4.265.804.174
4. Phải trả người lao động	314	2.587.105.226	6.398.790.275
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 5.14	-	4.221.777.415
9. Phải trả ngắn hạn khác	319 5.15	654.089.977	858.968.651
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 5.13	4.626.778.526	15.000.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	3.012.879.080	6.902.967.563
II. Nợ dài hạn	330	4.420.749.650	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.420.749.650	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400	198.132.792.123	165.822.481.585
I. Vốn chủ sở hữu	410 5.16	198.132.792.123	165.822.481.585
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	68.000.000.000	68.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	68.000.000.000	68.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	3.998.638.028	3.998.638.028
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	31.607.779.802	29.033.718.251
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	5.996.867.306	5.996.867.306
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	88.529.506.987	58.793.258.000
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	53.861.175.939	41.632.847.663
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	34.668.331.048	17.160.410.337
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440	262.719.897.074	243.175.158.764

Sơn La, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

P. Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thu Hồng

Nguyễn Thị Khương

Trần Ngọc Hiếu



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	554.814.635.913	411.763.808.310
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.18	1.673.632.121	96.925.720
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		553.141.003.792	411.666.882.590
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	457.368.695.798	375.523.764.177
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		95.772.307.994	36.143.118.413
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	6.161.826.856	5.204.248.791
7. Chi phí tài chính	22	5.21	2.958.190.144	2.131.405.316
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	1.695.505.316
8. Chi phí bán hàng	25	5.22	3.659.521.365	4.979.347.388
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	16.801.104.417	16.482.634.564
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) + 24 - (25+26)}	30		78.515.318.924	17.753.979.936
11. Thu nhập khác	31		2.082.432.351	8.513.372.916
12. Chi phí khác	32		300.010.015	2.868.241.933
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.23	1.782.422.336	5.645.130.983
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		80.297.741.260	23.399.110.919
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	1.429.410.212	6.238.700.582
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		78.868.331.048	17.160.410.337
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	11.598	2.524

Người lập biểu



Nguyễn Thu Hồng

p. Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Thị Khương

Sơn La, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc




Trần Ngọc Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	80.297.741.260	23.399.110.919
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	20.184.578.845	20.986.831.989
- Các khoản dự phòng	03	(4.091.600.000)	5.229.418.321
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.983.636.712)	(13.441.499.077)
- Chi phí lãi vay	06	178.190.144	1.695.505.316
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	90.585.273.537	37.869.367.468
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(24.467.914.927)	(13.926.181.150)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	29.661.039.875	(20.433.635.014)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(8.875.483.745)	5.878.214.708
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	319.882.727	1.599.623.669
- Tiền lãi vay đã trả	14	(165.786.113)	(1.695.505.316)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.900.000.000)	(16.611.295.431)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(3.520.904.623)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	82.157.011.354	(10.840.315.689)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(36.735.066.403)	(6.675.247.990)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	4.905.293.848
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(52.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	52.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.894.870.476	5.204.248.791
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(34.840.195.927)	3.434.294.649
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	20.547.528.176	127.710.736.547
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(26.500.000.000)	(116.710.736.547)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(44.200.000.000)	(30.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(50.152.471.824)	(19.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(2.835.656.397)	(27.006.021.040)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.695.294.846	37.701.315.886
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	7.859.638.449	10.695.294.846

Người lập biểu

Nguyễn Thu Hồng

P. Trưởng phòng TCKT

Nguyễn Thị Khương

Sơn La, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Tông Giám đốc



Trần Ngọc Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5500155321, đăng ký lần đầu ngày 20/02/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, thay đổi lần thứ sáu ngày 02/11/2015. Vốn điều lệ là 68.000.000.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: SON LA SUGAR JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt là: SLS

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: SLS

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	31/12/2015 VND	Tỷ lệ sở hữu
Bà Trần Thị Thái	1.865.320	18.653.200.000	27%
Công ty TNHH Thái Liên	1.020.000	10.200.000.000	15%
Cán bộ Công nhân viên và Cổ đông khác	3.914.680	39.146.800.000	58%
Tổng	6.800.000	68.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại Km 34, Quốc lộ 6, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La.

Số lao động bình quân trong năm 2015: 288 người

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất đường (chi tiết: Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm sau đường);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chi tiết: Dịch vụ vận tải);
- Chăn nuôi trâu, bò (chi tiết: Chăn nuôi bò sữa, bò thịt);
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa (chi tiết: chế biến sữa, bò thịt);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (chi tiết: Cho thuê kho, đại lý ký gửi hàng hóa);
- Sản xuất cồn, nha và nước uống có cồn; Sản xuất nước uống không cồn; Chế biến các sản phẩm nông sản (trừ chè, cà phê); Kinh doanh các sản phẩm nông sản (trừ chè, cà phê);
- Chế biến thức ăn gia súc; Kinh doanh thức ăn gia súc; Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Kinh doanh thương mại; Cung ứng vật tư nguyên liệu; Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp; Dịch vụ làm đất, nông, lâm nghiệp;
- Sản xuất phân vi sinh, kinh doanh phân bón các loại;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng: gạch, đá, cát, xi măng, sắt, thép, các loại.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2015 là chế biến và kinh doanh các sản phẩm đường và sau đường, kinh doanh xăng dầu, phân bón, phân đạm.

1.3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính tổng hợp cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính), (chi tiết xem tại T minh số 6.4), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 15
Thiết bị dụng cụ, quản lý	03 - 08

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian sử dụng hữu ích của công cụ, dụng cụ nhưng không quá 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí quản lý thu mua Mía cây niên vụ 2014 - 2015.
- Chi phí bảo dưỡng sửa chữa máy móc 2015

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty đang được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chế biến nông sản theo quy định tại khoản 2, Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ban hành ngày 22/6/2015 của Bộ tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là sản xuất mía đường, mật rỉ, kinh doanh xăng dầu, nông sản và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	428.215.076	4.578.942.499
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.431.423.373	6.116.352.347
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	-
Tổng	7.859.638.449	10.695.294.846

(*) Khoản tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương VN - Chi nhánh Sơn La

5.2 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	3.119.549.871	2.331.707.944
Công ty TNHH TM Bình Anh	1.400.000.000	1.400.000.000
Công ty TNHH Kim Hà Việt	1.285.800.053	-
Phải thu ngắn hạn khách hàng khác	433.749.818	931.707.944
Tổng	3.119.549.871	2.331.707.944

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Trả trước người bán ngắn hạn	52.885.835.065	14.872.493.497
Trung tâm công nghệ môi trường	-	5.566.000.000
Công ty TNHH TV& Chuyên giao công nghệ CDT	-	4.976.400.000
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tấn Đạt	5.415.150.000	2.333.100.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hiệp Thành	9.110.960.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây lắp Hùng Vương	5.207.500.000	-
Công ty TNHH Vĩnh Trị	5.314.250.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật V-Sutech	-	715.000.000
Công ty TNHH Bình Anh	392.550.000	392.550.000
DNTN Hiền Thu	-	373.790.000
CN Công ty CP TM Dệt may Nhà Bè tại HN	-	253.561.000
Tổng Công ty Mía đường I -CTCP	5.205.000.000	-
Công ty TNHH tư vấn và đầu tư NANO	100.100.000	100.100.000
BS ENGINEERING AND SUPPLES CO LTD	7.582.617.945	-
Trả trước người bán ngắn hạn khác	14.557.707.120	161.992.497
Tổng	52.885.835.065	14.872.493.497

5.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	56.190.098.865	-	62.710.054.941	-
Phải thu tiền đầu tư vùng nguyên liệu	55.718.422.709	-	59.712.091.451	-
Phải thu tiền hàng cửa hàng xăng dầu	-	-	1.499.782.442	-
Bảo hiểm xã hội	122.731.195	-	229.596.338	-
Phải thu khác	57.640.518	-	12.771.746	-
Tạm ứng	291.304.443	-	1.255.812.964	-
Tổng	56.190.098.865	-	62.710.054.941	-

5.5 Nợ xấu

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi (*) VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	11.950.899.935	3.199.999.700	7.166.392.922	1.517.765.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.5 Nợ xấu (Tiếp theo)

(*) Công ty xác định có thể thu hồi các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này

Trong đó:	Quá hạn 1-30 ngày VND	Quá hạn 31-60 ngày VND	Quá hạn 61-90 ngày VND	Quá hạn trên 90 ngày VND
Công ty CP Xi măng Bắc Kạn	-	-	-	3.000.000.000
Công ty CP XD Cầu đường 19	-	-	-	1.400.000.000
Công ty CP Nhựa	-	-	-	5.000.000.000
Trường Thịnh	-	-	-	1.400.000.000
Công ty TNHH Bình Anh	-	-	-	392.550.000
Công ty TNHH Bình Anh	-	-	-	370.302.935
Xí nghiệp nguyên liệu	-	-	-	176.000.000
Trần Thị Lưu	-	-	-	80.000.000
Công ty CP TM&DV	-	-	-	49.887.000
Sơn Nam	-	-	-	62.160.000
Hội Nông dân tỉnh Sơn La	-	-	-	20.000.000
Công ty TNHH Thương mại	-	-	-	
Ngọc Quỳnh	-	-	-	
Công ty TNHH TM-XNK	-	-	-	
Thiết bị Vật tư MKC	-	-	-	
Tổng	-	-	-	11.950.899.935

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.446.810.801	-	18.410.028.196	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.623.009.878	-	-	-
Thành phẩm	21.449.198.778	-	47.570.316.244	4.091.600.000
Hàng hoá	734.126.618	-	933.841.510	-
Tổng	37.253.146.075	-	66.914.185.950	4.091.600.000

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	546.110.829	70.553.111
Chi phí công cụ, dụng cụ	40.307.833	70.553.111
Chi phí sửa chữa tài sản	505.802.996	-
b) Dài hạn	112.474.354	907.914.799
Chi phí sửa chữa tường nhà kho thành phẩm 1400	112.474.354	-
Sửa chữa lớn nồi nấu đường	-	673.049.418
San ủi mặt bằng bãi ủ phân vi sinh	-	151.945.000
Sửa chữa nhà bảo vệ	-	27.000.000
Hệ thống camera giám sát	-	20.627.500
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	35.292.881
Tổng	658.585.183	978.467.910

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2015	62.666.196.446	125.431.343.962	1.710.926.109	1.019.952.377	190.828.418.894
Tăng trong năm	9.002.608.594	19.469.256.460	649.684.396	536.181.818	29.657.731.268
Mua trong năm	9.002.608.594	19.469.256.460	649.684.396	536.181.818	29.657.731.268
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	71.668.805.040	144.900.600.422	2.360.610.505	1.556.134.195	220.486.150.162
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2015	39.287.039.850	71.653.249.337	1.504.114.170	1.019.952.377	113.464.355.734
Tăng trong năm	6.879.937.444	13.012.359.334	133.329.998	-	20.025.626.776
Khấu hao trong năm	6.879.937.444	13.012.359.334	133.329.998	-	20.025.626.776
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	46.166.977.294	84.665.608.671	1.637.444.168	1.019.952.377	133.489.982.510
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2015	23.379.156.596	53.778.094.625	206.811.939	-	77.364.063.160
Tại 31/12/2015	25.501.827.746	60.234.991.751	723.166.337	536.181.818	86.996.167.652

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là: là 89.141.141.230 đồng
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2015 là: 86.996.167.652 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2015	864.984.705	474.682.069	1.339.666.774
Tăng trong năm	-	90.000.000	90.000.000
Mua trong năm	-	90.000.000	90.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	864.984.705	564.682.069	1.429.666.774
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2015	-	298.442.910	298.442.910
Tăng trong năm	-	158.952.069	158.952.069
Khấu hao trong năm	-	158.952.069	158.952.069
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	-	457.394.979	457.394.979
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2015	864.984.705	176.239.159	1.041.223.864
Tại 31/12/2015	864.984.705	107.287.090	972.271.795

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Công trình Thiết kế sửa chữa nhà GTSP	73.378.345	73.378.345
Công trình Dự án nâng cấp cải tạo 2014	-	1.837.380.453
Công trình Dự án nâng cấp cải tạo 2015	8.921.208.868	-
Tổng	8.994.587.213	1.910.758.798

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	36.308.879.413	36.308.879.413	30.934.389.399	30.022.254.042
Phải trả nông dân trồng mía	23.755.450.057	23.755.450.057	15.011.127.021	15.011.127.021
Đối tượng khác	12.553.429.356	12.553.429.356	15.923.262.378	15.011.127.021
Tổng	36.308.879.413	36.308.879.413	30.934.389.399	30.022.254.042

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	881.530.100	16.916.973.397	17.798.503.497	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.593.248.380	1.429.410.212	4.900.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	791.025.694	2.071.940.261	1.400.985.377	1.461.980.578
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	116.685.500	116.685.500	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng	-	4.265.804.174	20.538.009.370	24.219.174.374	1.461.980.578

5.13 Vay và Nợ thuê tài chính

	31/12/2015	Phát sinh trong năm	01/01/2015	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	4.626.778.526	16.126.778.526	15.000.000.000	15.000.000.000
b) Vay dài hạn				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La,	4.626.778.526	16.126.778.526	15.000.000.000	15.000.000.000
Việt Nam - Chi nhánh Sơn La,	4.420.749.650	4.420.749.650	-	-
thời hạn vay 60 tháng (1)	4.420.749.650	4.420.749.650	-	-
Tổng	9.047.528.176	20.547.528.176	26.500.000.000	15.000.000.000

(1) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La theo hợp đồng tín dụng số 22.17/2015 - HĐTDDA/NHCT190-CTCPMDSL ngày 01/12/2015, hạn mức tín dụng 96.000.000.000 đồng, mục đích dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự Án: Đầu tư nâng cấp thiết bị ổn định công suất ép 2.500TMN và sản xuất đường tinh luyện tại nhà máy Đường Sơn La, thời hạn cho vay các khoản nợ là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay có thể được điều chỉnh theo các quy định tại hợp đồng, khoản vay được bảo đảm bằng biện pháp thế chấp toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	-	4.221.777.415
Chi phí thu mua Mía cây niên vụ 2013 - 2014	-	826.212.000
Tiền vận chuyển bốc xếp phân vi sinh	-	3.395.565.415
Tổng	-	4.221.777.415

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	654.089.977	858.968.651
- Tài sản thừa chờ giải quyết;	-	61.203.294
- Kinh phí công đoàn	9.445.182	46.897.940
- Bảo hiểm xã hội;	21.651.163	199.291.304
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	593.620.632	320.940.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.373.000	230.636.113
Tổng	654.089.977	858.968.651

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	68.000.000.000	3.998.638.028	29.033.718.251	5.996.867.306	72.916.942.286	179.946.165.871
Tăng trong năm	-	-	-	-	17.160.410.337	17.160.410.337
Lãi	-	-	-	-	17.160.410.337	17.160.410.337
Giảm trong năm	-	-	-	-	31.284.094.623	31.284.094.623
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	30.600.000.000	30.600.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	684.094.623	684.094.623
Số dư tại 31/12/2014	68.000.000.000	3.998.638.028	29.033.718.251	5.996.867.306	58.793.258.000	165.822.481.585
Số dư tại 01/01/2015	68.000.000.000	3.998.638.028	29.033.718.251	5.996.867.306	58.793.258.000	165.822.481.585
Tăng trong kỳ	-	-	2.574.061.551	-	78.868.331.048	81.442.392.599
Lãi kỳ này	-	-	-	-	78.868.331.048	78.868.331.048
Trích quỹ	-	-	2.574.061.551	-	-	2.574.061.551
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	49.132.082.061	49.132.082.061
Chi trả cổ tức (1)	-	-	-	-	44.200.000.000	44.200.000.000
Trích quỹ (1)	-	-	-	-	4.432.082.061	4.432.082.061
Chi thường ban điều hành (1)	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000
Số dư tại 31/12/2015	68.000.000.000	3.998.638.028	31.607.779.802	5.996.867.306	88.529.506.987	198.132.792.123

(1) Phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ 2015 ngày 29/5/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết Vốn chủ sở hữu**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty Mua bán nợ Việt Nam	-	17.680.000.000
Bà Trần Thị Thái	18.653.200.000	18.653.200.000
Công ty TNHH Thái Liên	10.200.000.000	10.200.000.000
Cán bộ Công nhân viên và Cổ đông khác	39.146.800.000	21.466.800.000
Tổng	68.000.000.000	68.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	68.000.000.000	68.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	68.000.000.000	68.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	44.200.000.000	30.600.000.000

d. Cổ phiếu

	Năm 2015 Cổ phiếu	Năm 2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.800.000	6.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.800.000	6.800.000
Cổ phiếu phổ thông	6.800.000	6.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.800.000	6.800.000
Cổ phiếu phổ thông	6.800.000	6.800.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	31.607.779.802	29.033.718.251
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.996.867.306	5.996.867.306

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu sản phẩm đường, mật ri	472.629.275.196	301.004.186.337
Doanh thu sản phẩm vi sinh, phân bón ủ men	9.595.771.500	5.094.771.453
Doanh thu xăng dầu	29.232.038.337	38.896.337.103
Doanh thu phân bón, thuốc trừ sâu, mía giống	26.992.031.885	64.436.625.749
Doanh thu tro lò	388.157.025	-
Doanh thu nông sản	14.504.152.330	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.473.209.640	2.331.887.668
Tổng	554.814.635.913	411.763.808.310

5.18 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giảm giá hàng bán	1.507.571.429	96.925.720
Hàng bán trả lại	166.060.692	-
Tổng	1.673.632.121	96.925.720

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn sản phẩm đường, mật ri	383.422.609.309	272.223.943.335
Giá vốn sản phẩm vi sinh, phân bón ủ men	5.161.873.441	4.561.192.610
Giá vốn xăng dầu	28.218.724.465	38.149.009.421
Giá vốn phân bón, thuốc trừ sâu, mía giống	25.771.167.185	58.430.264.413
Giá vốn tro lò	-	-
Giá vốn nông sản	13.429.801.136	-
Giá vốn dịch vụ	1.364.520.262	2.159.354.398
Tổng	457.368.695.798	375.523.764.177

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.688.488.650	332.026.538
Lãi cho vay đầu tư vùng nguyên liệu	4.196.207.808	3.778.753.366
Doanh thu hoạt động tài chính khác	277.130.398	1.093.468.887
Tổng	6.161.826.856	5.204.248.791

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.23 Thu nhập khác, chi phí khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập khác		
Xử lý số dư các khoản phải trả	230.662.000	-
Xử lý số dư kiểm kê, thu từ nợ xấu đã xử lý	998.997.653	-
Thanh lý TSCĐ	-	372.287.091
Thu nhập khác	850.598.266	17.299.696
Thanh lý vật tư tồn kho	-	924.116.989
Thu từ đền bù GPMB 67 Sơn tây - Hà Nội	-	6.699.669.140
Thu từ hỗ trợ Hợp đồng số 41 ngày 15/10/2014	-	500.000.000
Thu nhập khác	2.174.432	-
Tổng	2.082.432.351	8.513.372.916
Chi phí khác		
Chi phí liên quan đến đấu giá tài sản cố định thanh lý	-	37.227.550
Chi phí tư vấn bồi thường giải phóng mặt bằng	-	70.000.000
Giá trị quyền sử dụng đất tại 67 Sơn Tây- Hà Nội	-	2.154.226.486
Giá trị còn lại của tài sản trên đất tại 67 Sơn Tây- HN	-	12.435.897
Chi phí hỗ trợ thiên tai năm 2013- VNL	-	549.450.000
Chi phí phạt thuế theo biên bản thanh tra thuế	215.518.781	44.902.000
Chi phí khác	84.491.234	-
Tổng	300.010.015	2.868.241.933
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	1.782.422.336	5.645.130.983

5.24 Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.429.410.212	6.238.700.582
Tổng	1.429.410.212	6.238.700.582

5.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	78.868.331.048	17.160.410.337
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	78.868.331.048	17.160.410.337
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	6.800.000	6.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	11.598	2.524

(*) Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa xác định số quỹ khen thưởng phúc lợi phải trích trong năm 2015. Do đó, cho mục đích tính lãi cơ bản trên cổ phiếu, Công ty chưa xác định số tiền để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi để giảm trừ vào Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp

5.26 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	329.248.718.547	244.989.046.310
Chi phí nhân công	30.215.376.707	18.510.868.653
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.184.578.845	20.986.831.989
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.462.281.339	20.848.664.330
Chi phí khác bằng tiền	6.354.713.960	1.713.639.472
Tổng	400.465.669.398	307.049.050.754

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

a. Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	Thù lao	298.000.000	279.000.000
Ban Giám đốc	Lương	828.146.674	603.537.270

b. Số dư với các bên liên quan

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty TNHH Thái Liên	Trả trước	11.500.000.000	4.038.500.000
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Trả trước	-	3.759.040.507

c. Giao dịch với các bên liên quan

Bán hàng	Tính chất giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Công ty TNHH Thái Liên	Bán hàng	110.104.752.383	32.491.923.814
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Bán hàng	68.289.789.527	29.070.980.482

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.2 Báo cáo bộ phận

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Đường	Vĩ sinh	Xăng dầu	Nông sản	Phân bón, mĩa giống	Tổng
TÀI SẢN						
Tài sản cố định	85.149.523.314	-	1.846.644.338	-	-	86.996.167.652
Xây dựng cơ bản dở dang	8.994.587.213	-	-	-	-	8.994.587.213
Các khoản phải thu	57.059.515.608	-	-	406.213.186	55.718.422.709	113.184.151.503
Hàng tồn kho	33.863.989.204	-	243.079.000	491.047.619	-	34.598.115.823
Tài sản không thể phân bổ	18.880.229.634	-	-	-	-	18.880.229.634
Tổng tài sản	203.947.844.973	-	2.089.723.338	897.260.805	55.718.422.709	262.653.251.825

NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả	49.218.857.243	-	-	-	-	49.218.857.243
Phải trả tiền vay	9.047.528.176	-	-	-	-	9.047.528.176
Nợ phải trả không phân bổ	6.254.074.283	-	-	-	-	6.254.074.283
Tổng nợ phải trả	64.520.459.702	-	-	-	-	64.520.459.702

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 12 tháng 12 năm 2015

	Đường	Vĩ sinh	Xăng dầu	Nông sản	Phân bón, mĩa giống	Tổng
DOANH THU						
Doanh thu thuần từ bán hàng	482.980.547.239	9.595.771.500	30.224.831.577	4.855.392.420	27.158.093.177	554.814.635.913
ra bên ngoài						
Tổng doanh thu	482.980.547.239	9.595.771.500	30.224.831.577	4.855.392.420	27.158.093.177	554.814.635.913

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	73.387.495.157	3.660.503.132	(342.298.807)	140.597.205	493.254.429	77.339.551.116
chưa bao gồm lãi tiền vay						
Chi phí tài chính phân bổ	2.945.786.113			12.404.031		2.958.190.144
Kết quả kinh doanh bộ phận	76.333.281.270	3.660.503.132	(342.298.807)	153.001.236	493.254.429	80.297.741.260
Lợi nhuận kế toán trước thuế	76.333.281.270	3.660.503.132	(342.298.807)	153.001.236	493.254.429	80.297.741.260
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.340.638.578	(63.865.717)	33.660.272	118.977.079	1.429.410.212
Lợi nhuận trong kỳ	76.333.281.270	2.319.864.554	(278.433.090)	119.340.964	374.277.350	78.868.331.048

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.859.638.449	10.695.294.846
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.558.748.501	59.393.134.963
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
Tổng	61.418.386.950	73.088.429.809
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	9.047.528.176	15.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	36.962.969.390	31.793.358.050
Chi phí phải trả	-	4.221.777.415
Tổng	46.010.497.566	51.015.135.465

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính tổng hợp Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính tổng hợp Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu là của các khách hàng luân chuyển liên tục và thường xuyên đối chiếu công nợ.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Các khoản vay	4.626.778.526	4.420.749.650	9.047.528.176
Phải trả người bán và phải trả khác	36.962.969.390	-	36.962.969.390
Chi phí phải trả	-	-	-
Công nợ khác	18.576.607.385	-	18.576.607.385
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2015			
Các khoản vay	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	31.793.358.050	-	31.793.358.050
Chi phí phải trả	4.221.777.415	-	4.221.777.415
Công nợ khác	26.337.541.714	-	26.337.541.714

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.859.638.449	-	7.859.638.449
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.558.748.501	-	50.558.748.501
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	3.000.000.000	3.000.000.000
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.695.294.846	-	10.695.294.846
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59.393.134.963	-	59.393.134.963
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	3.000.000.000	3.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.4 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính tổng hợp cùng kỳ năm 2014 như sau:

Tại ngày 01/01/2015

Khoản mục trên Bảng CĐKT	Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC VND	Theo Thông tư 200/2014/TT/BTC VND	Chênh lệch VND
Tài sản			
Đầu tư ngắn hạn	9.400.000.000		(9.400.000.000)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	9.400.000.000	9.400.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(3.420.000.000)	-	3.420.000.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.228.627.922)	(5.648.627.922)	(3.420.000.000)
Tài sản ngắn hạn khác	1.435.456.285	-	(1.435.456.285)
Phải thu khác	61.454.241.977	62.710.054.941	1.255.812.964
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	179.643.321	179.643.321
Nguồn vốn			
Quỹ đầu tư phát triển	19.355.812.168	29.033.718.251	9.677.906.083
Quỹ dự phòng tài chính	9.677.906.083	-	(9.677.906.083)

Người lập biểu

P. Trưởng phòng TCKT

Sơn La, ngày 15 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thu Hồng

Nguyễn Thị Khương

Trần Ngọc Hiếu